UBND THÀNH PHỐNAM ĐỊNH
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 323/TMBG-TTYT

Nam Định, ngày 29 tháng 5 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Căn cứ luật đấu thầu số 22/2023/QH-15 ngày 23/6/2013;

Căn cứ nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ qui định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính qui định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà Nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà Nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Trung tâm y tế thành phố Nam Định hiện nay có nhu cầu mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn (danh mục chi tiết kèm theo phụ lục I).

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán mua sắm hóa chất xét nghiệm,Trung tâm y tế thành phố Nam Định đề nghị các Công ty/Nhà cung cấp/Đơn vị quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi bản Báo giá và file mềm theo mẫu phụ lục 02.

Địa điểm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược -TTB-vật tư y tế Trung tâm y tế thành phố Nam Định (Gmail: khoaduocbvtpnd@gmail.com).

Địa chỉ: Đường Thái Bình – Phường Trần Tế Xương – Thành Phố Nam Định – Tỉnh Nam Định.

Thời hạn nhận báo giá: Trước ngày 12/6/2024.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ Trung tâm y tế thành phố Nam Định. SĐT: 02283637567.

Thư mời báo giá này thay thế thư mời báo giá số 314/TMBG-TTYT ngày 23/5/2024.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. NAM ĐỊNH T. NAM ĐỊNH
TRUNG TÂM Y TẾ TP. NAM ĐỊNH

Nguyễn Thị Nhung

Nơi nhận:
- Như kính gửi
- Trang https://trungtamytethanhphonamdinh.vn/
- Lưu KH; TCKT; KD-TTB-vật tư y tế

PHỤ LỤC 01
Phạm vi và yêu cầu cung cấp hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I	**Thuốc thử sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa**			
1	Chất hiệu chuẩn chất lượng đa nồng độ các xét nghiệm sinh hóa	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Huyết thanh đông khô được làm từ thành phần huyết thanh người. • Hiệu chuẩn thông số: ALT-Alanine Aminotransferase (SGPT); Albumin; Alkaline Phosphatase; AST; Bicarbonate - Carbon Dioxide; Bilirubin – Direct; Bilirubin – Total; Calcium; Cholesterol; Creatine Kinase; Creatinine; Glucose; γ-Glutamyltransferase; Serum Iron; LDH; Magnesium; Phosphorus; Protein-Total; Triglyceride; Urea (BUN); Uric Acid	mL	150
2	Vật liệu kiểm soát chất lượng đa nồng độ các xét nghiệm sinh hóa mức 1 và 2	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Huyết thanh đông khô được làm từ thành phần huyết thanh người. • Kiểm soát các thông số: ALT-Alanine Aminotransferase (SGPT); Albumin; Alkaline Phosphatase; Amylase; AST; Bicarbonate - Carbon Dioxide; Bilirubin – Direct; Bilirubin-Total; Calcium; Cholesterol-HDL; Cholesterol-LDL; Cholesterol-Total; Creatine Kinase; Creatinine; Glucose; γ-Glutamyltransferase; Iron; LDH; Lipase; Magnesium; Phosphorus; Potassium; Protein-Total; Sodium; Triglyceride; Urea Nitrogen; Uric Acid	mL	450
3	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: buffer, EDTA-Na2, NaCl, Sulfamic acid. - R2: buffer, 2,4 dichlorophenyldiazonium salt, HCl, EDTA-Na2.	mL	1.125
4	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: NaCl, HCl - R2: HCl, 2,4 dichlorophenyldiazonium salt	mL	1.125
5	Thuốc thử định lượng nồng độ Albumin trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: buffer, Bromocresol Green (BCG)	mL	1.000

6	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatinine toàn phần trong mẫu huyết thanh và nước tiểu	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: buffer, creatine amidinohydrolase (microbial), sarcosine oxidase (microbial), N-ethyl-N-sulfopropryl-m-toluidine, ascorbate oxidase (botanical) - R2: buffer, creatinine amidohydrolase (microbial), mmol/L 4-aminoantipyrine, peroxidase (botanical).	mL	12.500
7	Thuốc thử định lượng nồng độ đường huyết (Glucose) trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: nicotinamide adenine dinucleotide, adenosine triphosphate, magnesium, hexokinase (yeast), glucose-6-phosphate dehydrogenase (microbial).	mL	37.600
8	Thuốc thử định lượng nồng độ Cholesterol toàn phần trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: 4-aminoantipyrine, p-hydroxybenzoic acid, cholesterol esterase (mammalian and microbial), cholesterol oxidase (microbial), peroxidase (botanical), surfactants	mL	20.000
9	Thuốc thử định lượng nồng độ Protein trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: sodium potassium tartrate, copper sulfate pentahydrate, potassium iodide, sodium hydroxide.	mL	1.000
10	Thuốc thử định lượng nồng độ Axit Uric trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: DHBS, 4-aminoantipyrine, peroxidase (botanical), uricase (microbial)	mL	3.800
11	Thuốc thử định lượng nồng độ chất béo trung tính (Triglyceride) trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: 4-aminoantipyrine, adenosine triphosphate, p-chlorophenol, glycerol phosphate oxidase (microbial), lipoprotein lipase (microbial), peroxidase (botanical), glycerol kinase (microbial)	mL	20.000
12	Thuốc thử định lượng hoạt độ enzym Gamma GT (GGT) trong mẫu huyết thanh và huyết tương	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: buffer, glycylglycine - R2: Buffer, L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide (Glupa-C)	mL	1.200
13	Thuốc thử đo nồng độ Low Density Lipoprotein (LDL) bằng kỹ thuật hóa sinh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: PIPES Buffer pH 7,0; Cholesterol esterase (CHE); Cholesterol oxidase (CHOD); Catalase; TOOS - R2: PIPER Buffer pH 7,0; 4 – Aminoantipyrine (4-AA); Peroxidase (POD) - Chất hiệu chuẩn: Huyết thanh gốc người đông khô	mL	560

14	Thuốc thử đo nồng độ High density lipoprotein (HDL) bằng kỹ thuật hóa sinh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: N, N-bis (2-hydroxyetyl)-2-axit aminoethanesulphonic pH 6,6; N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS); Cholesterol Esterase; Cholesterol oxydase; Catalase ; Ascorbic oxydase - R2: N, N-bis(2-hydroxyetyl)-2-axit aminoethanesulphonic pH 7,0; 4 – Aminoantipyrine (4-AA); Peroxidase - Chất hiệu chuẩn: Huyết thanh gốc người đông khô	mL	560
15	Thuốc thử định lượng nồng độ Canxi toàn phần trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần: Arsenazo III; buffer	mL	2.000
16	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm Hemoglobin A1c (HbA1C)	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Được làm từ hồng cầu của người.	mL	4
17	Bộ hiệu chuẩn chất lượng xét nghiệm Hemoglobin A1c (HbA1C)	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Được làm từ hồng cầu của người.	mL	4
18	Thuốc thử xác định định lượng nồng độ Hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: Dung dịch đệm, chất ổn định. - R2: Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody; goat anti-mouse IgG polyclonal antibody - Hemolysis reagent	mL	4.620
19	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm ASO/ RF/ CRP	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Được làm từ huyết thanh người	mL	16
20	Bộ hiệu chuẩn chất lượng xét nghiệm CRP	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - Chất hiệu chuẩn A: Sodium Chloride - Chất hiệu chuẩn B-F: man CRP	mL	12
21	Thuốc thử xác định định lượng nồng độ CRP trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: Tris (hydroxymetyl) aminometan (100mM) - R2: Anti-human CRP goat antiserum (10%); Tris(hydroxymethyl) aminomethane (100mM)	mL	10.000
22	Chất hiệu chuẩn CK MB sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Chất hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Hiệu chuẩn được thông số Creatine kinase MB	mL	24
23	Vật liệu kiểm soát nồng độ xét nghiệm CK MB mức bình thường (Level 1)	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Được điều chế từ huyết thanh người; chất phụ gia và chiết xuất mô có nguồn gốc từ người và động vật	mL	80
24	Vật liệu kiểm soát nồng độ xét nghiệm CK MB mức cao (Level 2)	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Được điều chế từ huyết thanh người; chất phụ gia và chiết xuất mô có nguồn gốc từ người và động vật	mL	80

25	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatine Kinase MB trong máu	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: Dung dịch đệm imidazole, pH 6,1; Glucose; Magie axetat; EDTA; N-acetyl-L-cysteine; NADP; Hexokinase; Kháng thể kháng CK (dê) - R2: Dung dịch đệm imidazole; ADP; D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase; Creatine phosphate; AMP; Diadenosine pentaphosphate.	mL	330
26	Thuốc thử định lượng nồng độ Urea trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: buffer, 2-oxoglutarate, ADP, GLDH (mammalian), Urease (botanical), NADH analog	mL	11.340
27	Thuốc thử định lượng hoạt độ enzym ALT/ SGPT trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: Buffer, L-alanine, lactate dehydrogenase (microbial) - R2: 2-oxoglutarate, NADH	mL	15.000
28	Thuốc thử định lượng hoạt độ enzym AST/ SGOT trong mẫu huyết thanh	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - R1: TRIS buffer, L-aspartate, MDH (microbial), lactate dehydrogenase (microbial) - R2: 2-oxoglutarate, NADH	mL	15.000
29	Thuốc thử định lượng hoạt độ enzym Amylase trong mẫu huyết thanh và huyết tương	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: 2-Chloro-4-Nitrophenyl -a-D-Maltotrioside (CNPG3); Sodium Chloride; Calcium Acetate; Potassium Thiocyanate; Sodium Azide	mL	350
30	Dung dịch khử khuẩn nước buồng ủ máy xét nghiệm sinh hóa	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: HCOONa, chất diệt khuẩn	mL	30.000
31	Dung dịch rửa kiềm dùng để rửa cuvet phản ứng máy xét nghiệm sinh hóa	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: NaOH	mL	38.000
II	**Thuốc thử sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học**			
32	Thuốc thử phá vỡ tế bào hồng cầu dùng trong xét nghiệm huyết học	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Quaternary Ammonium Salt; Sodium Lauryl Sulfate	mL	16.500
33	Dung dịch pha loãng mẫu bệnh phẩm dùng trong xét nghiệm huyết học	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: NaCl, Buffer, Anti-Microbial Agent	mL	1.000.000
34	Dung dịch rửa kim hút mẫu, ống hút và buồng đo dùng trong xét nghiệm huyết học	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: PB Buffer, NaCl, Sufurctant	mL	125.000
35	Dung dịch nồng độ cao rửa kim hút mẫu, ống hút và buồng đo dùng trong xét nghiệm huyết học	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Chlorine, NaOH, Sufurctant	mL	15.000

36	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức cao	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản.	mL	5
37	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mực bình thường	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản.	mL	5
38	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Hồng cầu người và động vật có vú, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu mô phỏng, chất lỏng giống huyết tương với chất bảo quản.	mL	5
III	**Thuốc thử sử dụng cho máy phân tích điện giải**			
39	Thuốc thử xét nghiệm các thông số điện giải K+/ Na+/ Cl^-/Ca2+/ pH	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: - Dung dịch A: Potassium chloride; Sodium chloride; Sodium salt; Calcium chloride - Dung dịch B: Potassium chloride; Sodium chloride; Sodium salt; Calcium chloride	mL	7.000
40	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Potassium chloride, nước	Chiếc	3
41	Điện cực Natri dùng cho máy xét nghiệm điện giải	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Sodium fluorite, nước	Chiếc	3
42	Điện cực Kali dùng cho máy điện giải	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Potassium chloride, nước	Chiếc	3
43	Điện cực Chloride dùng cho máy điện giải	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Sodium fluorite, nước	Chiếc	3
44	Dung dịch vệ sinh hàng ngày máy xét nghiệm điện giải	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Sodium benzoate, Methylene blue	mL	300
45	Dung dịch kiểm tra hiệu suất của máy xét nghiệm điện phân (QC-4)	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Potassium chloride; Sodium chloride; Sodium salt; Calcium chloride	mL	300
46	Dung dịch nạp bổ sung điện cực Kali	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật:Thành phần chính: Potassium chloride, nước	mL	300
47	Dung dịch bổ sung điện cực Na, Cl, Ph	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Sodium chloride, Water	mL	200
48	Dây hút mẫu và hóa chất máy điện giải 5 thông số	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	2
IV	**Thuốc thử sử dụng cho máy xét nghiệm Miễn dịch**			
49	Thuốc thử định lượng Hormone tuyến giáp - T3	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: BSA và kháng nguyên T3, NaN3	Test	300
50	Thuốc thử định lượng Hormone tuyến giáp - TSH	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: huyết thanh bò, NaN3, kháng nguyên TSH	Test	300
51	Thuốc thử định lượng Hoocmon tuyến giáp - T4	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: BSA và kháng nguyên T4, NaN3	Test	300

52	Thuốc thử định lượng nồng độ PSA trong máu	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Kháng thể đơn dòng Anti-PSA, huyết thanh bò, Total PSA, NaN3	Test	300
53	Bộ cóng đo phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.072
54	Thuốc thử kiểm tra kính lọc máy miễn dịch	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Catalyst NaOH, H2O2	mL	3.680
55	Dung dịch rửa kim bệnh phẩm và kim hút mẫu máy miễn dịch	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số: Sodium hypochlorite.	mL	6.500
56	Chất kiểm tra quang học máy miễn dịch	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số: Thành phần chính: ABEI (N- (4-Aminobutyl) -N-ethylisoluminol); BSA	mL	20
57	Thuốc thử rửa hạt bi từ và kim hút máy miễn dịch	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thành phần chính: Tris-HCl	mL	7.140
V	**Que xét nghiệm nước tiểu**			
58	Que xét nghiệm nước tiểu 10 thông số	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số: Bạch cầu, Nitrit, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Leucocytes, pH.	Que	50.000
VI	**Xét nghiệm xác định nhóm máu**			
59	Định nhóm máu phát hiện kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Kháng thể thuộc phân nhóm IgM, thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B	mL	30
60	Định nhóm máu phát hiện kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Kháng thể thuộc phân nhóm IgM, thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính A-11H5	mL	30
61	Định nhóm máu phát hiện kháng nguyên của hệ nhóm máu ABO	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Kháng thể thuộc phân nhóm IgM, thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB: dòng vô tính A-5E10 và dòng vô tính B-2D7	mL	30
VII	**Test xét nghiệm sinh phẩm và xét nghiệm khác**			
62	Test thử phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu.	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Độ nhạy ≥99,8%. Độ đặc hiệu≥ 99,6%	Test	1.260
63	Test thử định tính phát hiện HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương người	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu: ≥ 98.88%	Test	650
64	Test xét nghiệm Dengue IgM/IgG	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Vạch IgG: Độ nhạy tương quan:≥ 97.3%, Độ đặc hiệu tương quan: ≥99.3%	Test	570

		- Vạch IgM: Độ nhạy tương quan:≥ 96.9%, Độ đặc hiệu tương quan: ≥98.9%		
65	Test thủ định tính phát hiện kháng thể kháng vius HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc toàn phần của người	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu: 100 %	Test	250
66	Test thử định tính phát hiện kháng thể kháng virus HIV trong máu người	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Độ nhạy ≥ 99.47%, độ đặc hiệu ≥99.87%	Test	240
67	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Độ nhạy tương quan: ≥ 86,8% , Độ đặc hiệu tương quan:≥ 94%; Độ nhạy tương quan: ≥91,7% , Độ đặc hiệu tương quan: ≥97,5%	Test	625
68	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Dengue	• Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương • Thông số kỹ thuật: Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 99.6%; Độ chính xác tương quan: ≥ 93.2%	Test	625
TỔNG CỘNG: 68 khoản				

Phụ lục 02
Mẫu báo giá

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày……tháng……năm

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm y tế thành phố Nam Định

"……(tên đơn vị)….., có địa chỉ tại….., số đăng ký kinh doanh…..được cấp bởi…."

Căn cứ thông báo mời báo giá của Trung tâm y tế thành phố Nam Định và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý Trung tâm y tế thành phố Nam Định bản báo giá các hàng hóa như sau:

STT	Tên trang thiết bị y tế Cấu hình *(Bao gồm cả vật tư tiêu hao, linh phụ kiện đi kèm)*	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký mã hiệu (Model)	Hãng, nước sản xuất	Hãng, nước chủ sở hữu	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT)	Thành tiền
1										
2										
…										

- Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bàn giao, lắp đặt, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- Báo giá có hiệu lực:…… kể từ ngày báo giá.

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)